

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/DS-PT

Ngày: 10 – 8 – 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

Bà Nguyễn Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang; Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLPT-DS ngày 21/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 24/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’Gar bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 142/2022/QĐ-PT ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Cao Thị T**, sinh năm 1965; có mặt.

- Bị đơn: Bà **Cao Thị N**, sinh năm 1961; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Cao Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày:***

Ngày 16/01/2011, bà Cao Thị N vay của bà Cao Thị T số tiền 20.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng. Trước đó vào ngày 06/12/2010 bà N có vay của bà T số tiền 33.000.000đồng + 4.000.000đồng và 100kg cà phê nhân. Hai bên thỏa thuận lãi suất

2%/tháng. Bà N hẹn trả vào ngày 20/12/2012 âm lịch (tức ngày 31/01/2013 dương lịch).

Đối với số tiền 20.000.000đồng thì bà N đã trả cho bà T, thời gian bà T không nhớ rõ. Đối với số nợ còn lại, đến nay bà N vẫn không chịu trả. Tại đơn khởi kiện, bà Cao Thị T yêu cầu bà Cao Thị N phải trả số tiền nợ gốc là 37.000.000đồng, 100kg cà phê nhân và tiền lãi là 77.600.000đồng. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bà N trả 37.000.000đồng, 100kg cà phê nhân và tiền lãi là 20.000.000đồng tính từ ngày vay 06/12/2012 đến ngày xét xử 20/4/2022. Ngoài ra, bà T không yêu cầu bà N phải trả thêm bất kỳ khoản lãi nào trong giai đoạn thi hành án.

** Bà Cao Thị N trình bày:*

Bà N xác nhận có viết giấy nhận nợ cho bà T, nội dung ngày 16/01/2011, bà N vay của bà T số tiền 20.000.000đồng để đáo hạn Ngân hàng, ngày 06/12/2010 bà N vay của bà T số tiền 33.000.000đồng + 4.000.000đồng và 100kg cà phê nhân. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2% tháng. Thời gian hẹn trả vào ngày 12/12/2012 âm lịch (tức ngày 31/01/2013 dương lịch).

Số tiền 20.000.000đồng bà N đã trả cho bà T, thời gian bà N không nhớ rõ. Số tiền 37.000.000đồng và 100kg cà phê nhân và lãi thì bà N đã trả cho bà T nhưng không nhớ rõ thời gian trả. Các giấy tờ về việc bà N ghi ngày trả nợ bà N đã nộp cho Tòa án nhưng không có chữ ký của bà T.

Nay bà T yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 37.000.000đồng, 100kg cà phê nhân và tiền lãi 20.000.000đồng, bà N xác định đã trả nợ xong cho bà T nên không đồng ý trả nợ cho bà T nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 1, 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T.

- Buộc bị đơn bà Cao Thị N phải trả cho bà Cao Thị T số lượng 100kg cà phê nhân và số tiền 57.000.000đồng, trong đó nợ gốc là 37.000.000đồng và tiền lãi 20.000.000đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2022 bị đơn bà Cao Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Đối với số tiền vay 33.000.000đồng. Từ năm 2009 đến năm 2013 bà N đã trả nợ cho bà T nhiều lần, tổng cộng số tiền 49.400.000đồng. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Cao Thị N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn bà Cao Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Cao Thị N phải trả cho bà T số tiền vay 37.000.000đồng, 20.000.000đồng tiền lãi và 100kg cà phê nhân là có căn cứ. Do vậy, đơn kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Ngày 06/12/2010, bà N vay của bà T tổng 37.000.000đồng và 100kg cà phê nhân nhân xô, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả ngày 20/12/2012 âm lịch (tức 31/01/2013 dương lịch); ngày 16/01/2011, bà N vay của bà T 20.000.000đồng, đối với số tiền 20.000.000đồng, bà T xác nhận bà N đã trả. Việc vay tiền được các bên lập giấy vay tiền, bà N thừa nhận chữ ký tên trong giấy vay tiền do bà T cung cấp là của bà N. Như vậy, việc vay tiền là có thật được bị đơn thừa nhận. Đến hạn, bà N không trả theo cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà N có nghĩa vụ phải trả cho bà T 37.000.000đ và 100kg

cà phê nhân xô là căn cứ, phù hợp với giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, phù hợp với các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng: Tại giấy vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất “2 phẩy trên tháng”. Do đó, đây là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 478 của BLDS năm 2005 và được các bên xác nhận được hiểu lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, tương đương 24%/năm. Tại khoản 1 Điều 476 của BLDS năm 2005 quy định “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”, lãi suất cơ bản là 9%/năm. Do đó, mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên vượt quy định. Quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 77.760.000đồng tiền lãi, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi từ yêu cầu phải trả 77.760.000đồng tiền lãi xuống còn yêu cầu trả 20.000.000đồng tiền lãi. Cụ thể, yêu cầu tính lãi từ ngày 06/12/2012 đến ngày 20/4/2022 (9 năm 4 tháng 15 ngày). Thấy rằng, $37.000.000\text{đồng} \times 9 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} \times 1,125\%/tháng = 46.828.000\text{đồng}$. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 06/12/2012 đến ngày 20/4/2022 với số tiền lãi 20.000.000đồng là mức lãi thấp hơn mức lãi theo quy định đồng thời có lợi cho bị đơn. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 20.000.000đồng nợ lãi là có căn cứ, phù hợp với giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, phù hợp với khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số nợ 100kg cà phê và không yêu cầu tính lãi trong trường hợp bà N chậm thi hành án. Nên cấp sơ thẩm không đặt ra giải quyết là có căn cứ.

[3] Xét lời khai nại của bị đơn, HĐXX thấy: Bị đơn thừa nhận chữ ký và viết họ tên trong giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết và ký tên, thừa nhận có vay của nguyên đơn tiền và cà phê của nguyên đơn như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên bị đơn đã thanh toán hết nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình và không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai nại của bị đơn.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn. HĐXX thấy: Như nhận định và phân tích tại [2]; [3], Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 57.000.000đồng. Trong đó, 37.000.000đồng nợ gốc, 20.000.000đồng nợ lãi và 100kg cà phê nhân xô đủ độ là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ khác chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo mà áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

[5] Về án phí DSPT: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Cao Thị N phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên bà Cao Thị N là người cao tuổi, có

đơn xin miễn giảm án phí nên bà N được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Cao Thị N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T.

- Buộc bị đơn bà Cao Thị N phải trả cho bà Cao Thị T số lượng 100kg (*Một trăm kilôgam*) cà phê nhân và số tiền 57.000.000đồng (*Năm mươi bảy triệu đồng*), trong đó nợ gốc là 37.000.000đồng và tiền lãi 20.000.000đồng.

[2]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Án phí dân sự: Bị đơn bà Cao Thị N được miễn án phí.

Hoàn trả lại cho bà Cao Thị T số tiền 2.949.000đồng (*Hai triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001447 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'Gar;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền